

# NHẤT LINH

truyện ngắn





TRUYỆN NGẮN  
CỦA

Nhất Linh

truyện ngắn  
của  
**nhất linh**

*Bìa: CVA - M.P*

*Trình bày: **Muôn Phương***

*Nguồn: Internet*

***Muôn phương góp lại, trả về muôn phương***

truyện ngắn  
của

NHẤT LINH



## MỤC LỤC

|                       |     |
|-----------------------|-----|
| 1. Hai cảnh ngoài phố | 9   |
| 2. Hai vẻ đẹp         | 21  |
| 3. Chết dở            | 87  |
| 4. Mình đã đỡ chưa?   | 105 |





## HAI CẢNH NGOÀI PHỐ

**T**rời vừa mưa xong, đường phố lầy lội. Bên cạnh những cửa hàng đầy tơ lụa màu rực rỡ, Sửu cúi đầu đi thông thả, hai con mắt đỏ ngầu và đầy rử nhìn thẳng ra trước, không để ý đến một vật gì. Trông hình dáng chỉ biết đó là một người nghèo khổ, chứ không hiểu thuộc về hạng nào. Có lẽ người đó đã làm đủ nghề: đi ở, kéo xe... nhưng hiện nay chắc không có nghề gì, vì người bản thủ và ốm yếu quá. Hai con mắt nhìn

một cách đại dột, mồm bao giờ cũng há hốc và hai bàn tay lúc nào cũng run run bảo cho ta biết rằng người đó chỉ còn có việc là đi hành khất để chờ ngày vào nhà điên.

Một cơn gió thổi mạnh, Sửu vội giơ tay lên giữ lấy cái mũ đội trên đầu, một cái mũ dạ màu xám rộng thênh thang đội úp xuống che gần khuất hai con mắt. Muốn tránh một người quét hè, Sửu đi rẽ xuống đường. Vừa lúc đó một người mặc âu phục rất sang, đầu tóc chải mượt và đôi giày bóng loáng, đi vội ở trong một hiệu thợ cạo ra, giơ tay vẫy một cái xe cao su. Vì hai bên cùng vội cả, nên người ăn mặc sang trọng và người ăn mặc rách rưới đụng vào nhau một cái thật mạnh. Người vận âu phục kêu lên một tiếng to, đẩy Sửu ra, mắng mấy câu theo

lệ thường, rồi toan bước lên xe. Nhưng đến lúc nhìn xuống thấy mũi giấy của mình bị bàn chân đẩy bùn của người kia làm bẩn be bét, thì chàng ta không giữ nổi giận được nữa. Chàng giơ thẳng tay bóp tai người nghèo kia một cái, làm cho chiếc mũ dạ tung ra, rơi ngay vào cái xe tay, trên tấm thảm cao su để chân. Chàng cho thế là đủ giận bèn phúi tay, nhắc hai ống quần cho khỏi mất nếp, và ngồi lên giục phu kéo đi. Thấy cái mũ ngay dưới chân, chàng toan hất xuống trả, nhưng không biết nghĩ được một điều gì hay hay, chàng mỉm cười lấy cái mũi giấy còn sạch thọc vào mũ rồi đặt lên cái mũi giấy lấm bùn cọ đi cọ lại như người đánh giấy.

Chàng lấy làm khoan khoái, ngắm nghía mũi giấy bóng trở lại gần như

trước. Nhìn cái mũ dạ dùm dó, bắn thủ, chàng hơi hồi hận, nhưng vội tặc lưỡi nói một câu để tự an ủi:

– Chắc thằng cha mới ăn cắp được của ai... Đáng kiếp!

Rồi chàng bảo người kéo xe:

– Cho anh cái mũ này.

Sửu bị cái tát tai đứng lạng hồi lâu cho khỏi choáng váng, rồi lắc lư cái đầu tìm xem mũ mình rơi đâu. Một người tài xế thương hại bảo:

– Mũ rơi vào xe ông ta rồi còn đâu.

Sửu nhìn theo cái xe chạy đã xa, không hiểu và lẩm bẩm tự hỏi:

– Thầy ấy lấy mũ của tôi?

Rồi Sửu lại cầm đầu đi, mắt nhìn thẳng ra trước một cách đại dột, mồm há hốc và hai tay run run... Trong lúc đó thì ở đầu phố một thầy đội xếp thông thả đi lại phía Sửu, cầm cái gậy lỏng lẻo bằng hai ngón tay và nghịch đưa đi đưa lại như một quả lắc đồng hồ. Đó là cử chỉ thông thường của thầy mỗi khi thầy sắp có dịp ra oai. Đứng xa, tuy thầy đội không nhìn rõ, nhưng thầy đã “đoán” ra được hết. Thầy đoán rằng người ăn mặc rất sang kia vào hiệu mua hàng, lúc ra bắt gặp tên này ăn cắp mũ, liền bợp tai giằng lại cái mũ kia rồi tha... Nhưng thầy thì thầy không tha. Thầy không tha không phải vì bốn phận bắt buộc, nhưng thầy muốn tỏ cho mọi người biết rằng mình tinh mắt. Đến lúc nhìn rõ Sửu thì thầy không còn nghi ngờ gì nữa: những điều phỏng đoán của thầy đã hiển nhiên biến thành sự thực, sự thực có một không hai.

Sửu thấy thầy đội xếp đến gần mình, theo thói quen, đi khếp nép tránh sang một bên. Thầy đội chạy xăm lại nắm lấy tay Sửu và nghiêng rặng bóp thật chặt. Thầy nhìn mặt Sửu thấy đáng ghét một cách lạ lùng và bóp chặt thêm một tí nữa cho bã ghét.

– Về bóp! Hừ, quân bay bạo gan thực, dám giở thói ăn cắp ra trước mắt ông.

Sửu hốt hoảng, lúng túng nói:

– Thầy ấy lấy mũ của con...

Thầy đội trợn mắt, vụt một cái ngang lưng Sửu và nhếch mép cười nhạt:

– À, ra thầy ấy ăn cắp mũ của mày. Quân này to gan thật!

Cái trí khôn lu mờ của Sửu báo cho Sửu biết rằng phân trần không có lợi. Sửu bèn van lơn:

– Con lạy thầy, thầy tha cho con.

Thầy đội cười một cách đặc chí:

– Tha thế nào được, con ơi!

Người tài xế lúc này tiến đến gần nói:

– Ông đội tha cho nó, nó oan. Nó đâm phải giấy ông kia, ông ấy cho nó cái tát cũng đã đáng đời lắm rồi. Nó lại mất thêm cái mũ... cái mũ khổ ấy mà...

Một vài người đứng gần đó cũng xin hộ.

Nghe mọi người nói, thầy đội lấy làm khó chịu vì mình đoán sai cả và thầy nhìn mặt Sửu càng thấy đáng ghét hơn trước. Thầy lấy ngón tay trở hất cằm Sửu lên và nói:

– Cái mặt gian chưa. Ngủ này thì thế nào cũng có ngày ông cho tù một gông.

Thầy đội quay ra nói với mọi người, vẻ mặt vui tươi để tỏ rằng mình sẵn lòng khoan dung:

– Lần này các ông các bà xin hộ thì tôi tha cho nó. Lần sau nó phải liệu mà chùa đi.

Bỗng thầy nhìn cái đầu bù tóc của Sửu, nghĩ ngay được một câu để che ngượng:

– Cái mũ ấy mà không ăn cắp của ai thì tao cứ đi đằng đầu. Cũng may phúc cho mày khi lấy cái mũ ấy lại không gặp tao... Bây giờ thì rút đi ngay.

Nói xong, thầy cầm gậy gõ mạnh vào đốt ngón tay Sửu hai cái. Sửu đau quá, nhưng không dám nhăn mặt, không dám kêu, vì Sửu sợ rằng biết đâu không vì một tiếng kêu mà thầy lại đổi ý kiến không tha nữa.



Thấy thầy đội quay lưng đi, Sửu mừng quá...

Yên lặng như một cái bóng, Sửu cảm đầu đi, mồm há hốc và hai tay run run, nhưng lần này hai con mắt Sửu không đại đột nữa... lại sáng lên một cách khác thường. Trong lúc mừng, Sửu luôn mồm lấm bầm:

– Suýt nữa thì vào bóp, may quá, gặp được thầy đội tử tế.

S Sửu quên cả đau tay, quên cả mất mũ, chỉ nghĩ đến cái mừng được thoát khỏi bóp. Thấy có cái ngõ con, Sửu vội vàng rẽ vào, yên tâm rằng đã đi khuất mắt thầy đội. Sửu cười và nói một mình:

– Sao lại gặp được thầy đội tử tế đến thế!

Câu ấy vì nhắc đi nhắc lại mãi, dần dần biến ra:

– Sao người ta lại tử tế đến thế.

Lúc đó cái óc tối tăm của Sửu như có ánh sáng chiếu rọi làm cho Sửu lần đầu tiên trong cuộc đời khốn nạn của mình nhận thấy một cách rõ ràng cái lòng tử tế của người đời!

– Suýt nữa thì vào bóp!

Nghĩ đến đó, Sửu vô tình quay nhìn lại...

Mấy hôm sau, Sửu bị bắt vì không có chỗ ở và nghề nghiệp nhất định. Ở nhà pha được ít lâu, thầy thuốc khám nghiệm bảo Sửu có bệnh điên. Thầy thuốc chỉ biết rằng Sửu có bệnh điên là tại cha mẹ trước kia mắc bệnh giang mai. Không ai biết Sửu điên hẳn vì cái bóp tai của người

mặc quần áo sang trọng làm cho khối óc đã yếu sẵn bị rung chuyển mạnh quá... hay nói cho đúng, chỉ vì đôi giày bóng bị lấm bùn.

Được cái bệnh điên của Sửu rất lành, không hại đến ai. Cả ngày, Sửu lúc nào cũng mỉm cười sung sướng và thỉnh thoảng lại lẩm bẩm nói một mình:

– Sao người ta lại tử tế đến thế!

Còn như người ta có tử tế như Sửu tưởng hay không thì đó lại là câu chuyện khác.



## 2. HAI VỀ ĐẸP

*Anh phải luôn luôn tự nhủ  
rằng đời người có thể  
đẹp dễ hơn; đời của anh và  
đời của những người khác.*

*André Gide*

### I

**D**oãn cầm cốc cà phê nguội, uống một hơi cạn, rồi đứng dậy xin phép mẹ nuôi và bà khách về phòng ngủ.

Bà Thượng nhìn cốc cà phê bảo  
Doãn:

– Đêm con cần ngủ mà cứ uống mãi cà phê vào.

Rồi bà quay lại phía bà khách, tiếp theo:

– Ấy cháu cả ngày chỉ vẽ. Mà sao thích vẽ thế. Từ độ ở Tây về vẽ có đến hàng trăm bức tranh, không biết thế nào là chán...

Bà khách mỉm cười hỏi đùa Doãn:

– Ông cử luật có muốn lấy vợ, để tôi làm mối cho một cô thật xinh. Về tha hồ mà vẽ.

Lan, Tuyết và Dung cũng cất tiếng cười lên một loạt. Tuyết nói:

– Để trước mắt anh con một người thật đẹp, anh con vẽ một lúc thành người xấu như ma lem.

Dung tiếp luôn:

– Mà càng vẽ lại càng xấu hơn. Càng vẽ càng không giống. Lâu dần trông không ra hình người nữa, thành ra một hộp bánh bích qui.

Lan kết luận:

– Nhiều khi anh con vẽ một cái hộp bánh bích qui lại thành một cô gái tuyệt đẹp.

Tuy đã nghe ba cô em gái nói những câu đùa ấy không biết bao nhiêu lượt, mà Doãn cũng cất tiếng cười thảng thảng đáp lại. Chàng không giận ai bao giờ và không bao giờ để tâm đến những lời bình phẩm của mọi người xung quanh. Chàng cho vẽ tranh là một sự cần thiết cho tâm hồn chàng, chứ không phải để lấy tiếng khen.

Doãn bước sang phòng bên và khóa trái cửa lại. Phòng của chàng là một cái buồng rộng chia làm hai ngăn; một ngăn để ngủ, còn một ngăn làm xưởng vẽ. Mỗi lần vào đấy, Doãn thấy người khoan khoái như con cá ở trong chậu được thả xuống nước ao. Trong buồng, cái gì Doãn cũng trang hoàng, xếp đặt lấy; từ cái giường ngủ, cái tủ áo, bộ bàn ghế tối tân, cho đến bức thảm dệt kiểu Tàu, các thứ đồ dùng bất cứ lớn, nhỏ đều do chàng tự chế lấy kiểu.

Trên tường, trên bàn, ở góc nhà, chỗ nào cũng có tranh. Thỉnh thoảng, nể lời anh em, chàng đem những bức tranh đó về Hà Nội trưng bày một vài hôm. Nhưng chàng không cần bán, vì chàng đã giàu.

Trước kia, những tranh của chàng gửi sang Pháp bán rất chạy; hơn một năm trời, chàng có tới gần chục vạn bạc



tranh, và số tiền đó, chàng đem gửi cả bà mẹ nuôi để tậu ruộng trong làng.

Doãn ngã lưng trên giường, quặt hai bàn tay ra phía sau đầu làm gối, đưa mắt ngắm bức tranh sơn vẽ dở để dựa vào tường. Chàng cau mày tỏ ý không bằng lòng, lắc đầu nói một mình:

– Hồng cả! Nếu vài hôm nữa không mưa to thì đành quảng nó một chỗ.

Bức tranh ấy chàng mới vẽ hôm kia. Khi ngồi trước giá vẽ, chàng say đắm vẽ màu tươi mát của lá cây, mái nhà, nước ao, về cái vẻ đẹp của thú ánh sáng trong mát, một buổi sớm tinh ráo sau một đêm mưa.

Trong hai giờ đồng hồ, chàng hồi hộp vẽ ngấu, vẽ nghiêng như người đương đói vớ được bát cơm gạo tám thơm; tuy vẽ

hết sức mau mà chàng cũng không kịp ghi lên vài những màu đẹp đẽ và mong manh ấy, đành phải bỏ dở bức tranh.

Chàng quên không nghĩ đến hơn trăm mẫu ruộng của chàng hiện bị úng thủy, chỉ ao ước đêm nay mưa thật to để mai lại có được thứ ánh sáng chàng mong mỏi. Chàng nhìn bức tranh và tưởng tượng đến những màu ở ngoài cảnh thật, ngấm ngấm:

– Tại mình còn kém lắm. Một nghìn phần chưa đúng một phần.

Doãn đưa mắt ngắm một bức tranh khác; bức tranh vẽ một người đàn bà cời đàn, quần lĩnh vén lên gần đầu gối, để hở cả quần trắng trong, ngồi cạnh mấy cái cốc sâm-banh đầy rượu và ba quả dưa chuột.

Chàng không hề để ý đến sự vô lý của bức vẽ, và chỉ để ý đến những màu, nhất là màu đen của chiếc quần lĩnh bên cạnh màu trắng và màu da thịt người; những màu đó chàng thấy nó hòa hợp, đăng đối nhau và mỗi lần nhìn đến, chàng có cái khoan khoái như được nghe một điệu đàn du dương bằng hình sắc. Thấy bức tranh đặt nghiêng, Doãn đứng dậy lấy mấy cuốn sách cũ kê đệm xuống dưới. Biết là khó ngủ, chàng cầm một cuốn sách về giường nằm để xem trong khi đợi giấc. Chàng giở mấy trang sách, lẩm bẩm:

– Không biết quyển tiểu thuyết này ở đâu lạc loài đến?

Doãn chỉ mua toàn sách về mỹ thuật và khi còn ở bên Pháp, muốn chịu bà Thượng, chàng phải học luật thì chàng chỉ mua toàn sách luật, ngoài ra không

để ý đến một thứ sách gì khác.

Chàng vút cuốn truyện xuống dưới thảm chân giường. Nằm yên một lúc, vẫn không thấy buồn ngủ, bất giác Doãn giờ tay với cuốn truyện, vươn vai một cái rồi cúi nhắm đọc trang đầu.... Đồng hồ điểm ba tiếng. Doãn vẫn còn ngồi trên giường cố đọc hết quyển truyện.

Đã lâu, chàng không thức khuya nên vừa đọc vừa để ý đến các thứ tiếng ở ngoài: tiếng đế lẩn với tiếng nhái, tiếng tre lắc rắc và tiếng tù và thổi xa xa.

Chàng có cái cảm tưởng rằng nơi chàng ngồi với những trang sách trắng xóa dưới ánh đèn là một cái cù lao sáng nổi lênh bênh ở giữa một khoảng tối tăm vô hạn.

## II

**Đ**ợi gần hai tháng trời mới lại có một đêm mưa to và một buổi sáng tạnh ráo.

Doãn lim dim mắt nhìn cái mái nhà gió đêm qua thổi bay từng mảng để hở cả rui tre. Chàng toan chữa lại bức tranh, nhưng sau lại thôi, vì chàng cho thế là vẽ vụn vặt quá. Những cái mái nhà thủng làm chàng lo sợ; nếu mai kia họ đem dũa mới lợp lại, màu mái nhà đổi khác thì bức tranh của chàng đành vứt đi. Chàng cúi xuống vẽ thật mau. Được một lúc chàng tự nhiên mỉm cười vì một cái ý ngộ nghĩnh thoáng hiện trong óc.

– Mình chỉ cốt vẽ, muốn cho người ta ở nhà dệt mãi, không cho người ta lợp lại mái nhà nữa.

Rồi chàng buồn rầu tự hỏi không biết làm sao họ lại có thể sống trong cái nhà đó được. Mấy mảnh bèo rau rút màu xanh già, mùa thu rắc hoa vàng lấm tấm, lại càng làm tăng vẻ bẩn thỉu của vũng ao tù, nước đen đặc những váng vá sặc mùi bùn. Ngay bên cạnh chỗ chàng ngồi là một đồng phân phủ bùn kíp và những đám rác đầy ruồi nhặng; từng dòng nước vàng từ từ chảy về phía ao bên những đám cỏ xanh, ngọn lên cao vút; non tươi, khỏe mạnh.

Một đứa bé con trần truồng, đi ra cầu ao, bụng to và hai chân lẳng khảnh trông tựa một con nhái dựng đứng. Nét mặt Doãn bỗng tươi hẳn lên: chàng thấy bức tranh của mình như thiếu cái gì,

nay có màu hung của da thịt đứa bé vào, các màu khác trông hoạt động hẳn lên; chàng sung sướng pha màu và điểm mấy nét thật khéo vào bức tranh. Khi chàng phác gần xong hình đứa bé có một người đàn bà đi ra, tay cầm cái gáo. Người đàn bà kéo đứa bé ngồi xuống, rồi múc nước ao dội lên đầu và cầm lấy tay kỳ ghê. Đứa bé vừa phúi nước trên mặt vừa kêu rét, khiến người đàn bà quát lên:

– Người bẩn như ma thế này mà không chịu tắm à? Phải tắm cho sạch chứ. Bẩn không ai chịu được.

Câu nói của người đàn bà làm Doãn nghĩ đến thứ nước dùng để tắm cho sạch và mỉm cười, lắc đầu.

Vẽ xong đứa bé, chàng lúi húi vờn lại nền trời và chữa lại màu mấy đám mây bay sau ngọn tre, cố diễn được cái

ánh sáng rất trong tự phía đông chiếu đến. Vẽ được một lúc, tuy mắt chàng vẫn nhìn vào bức tranh nhưng trong trí chàng thấy hiện ra những cảnh ở đâu đâu, những cảnh đời do trí tưởng tượng của chàng tô tạo nên, dựa theo những cái chàng đã được thấy lẫn lộn ở bên Pháp, ở trên màn ảnh, ở trong báo, sách. Những cảnh hiện trong trí chàng khác hẳn cái cảnh trước mắt, chàng đương cố ghi lên vải, đó là những cảnh đời sáng sủa mà nội khắp mọi người ở chung quanh, chỉ có chàng, có mình chàng là trông thấy. Nhưng chàng thấy nó cao xa, không bao giờ có thể thành sự thật được, khác nào những đám mây kia đương hờ hững bay trên trời, xán lạn, sạch sẽ quá không có liên quan gì đến cái cảnh nhà tranh tiêu tụy, ao tù bẩn thỉu ở dưới này.

Bỗng chàng sực tỉnh, nhận thấy



mình đương ngừng bút và tự trách mình đãng trí quên cả vẽ. Đã mấy tháng nay rồi, chàng không có cái bình tĩnh như độ trước nữa. Doãn nhớ lại hôm đọc cuốn truyện thức đến ba giờ sáng, nhưng chàng không biết rõ rằng vì cuốn truyện đó, vì những cuốn sách chàng mua đọc về sau hay là tự nhiên không tránh được, có ngày chàng phải thế, phải bán khoản không tin hẵn ở cái nghệ thuật của mình nữa.

– Hôm nay cháu thấy ông phải nghĩ nhiều rồi mới vẽ, nên nét bút nhiều chỗ tài tình.

Tiếng nói làm Doãn giật mình lên, ngạc nhiên.

Người con trai mặt đỏ ngày nào cũng ra xem vẽ, đứng đây lúc nào chàng không biết, Doãn mỉm cười vì thay có người vô

công rồi nghề đến nổi ra đứng hàng giờ quên cả mỗi chân để xem vẽ một bức tranh mà không tài nào hiểu được vẽ đẹp. Người mặt đỏ thấy Doãn mỉm cười, ý hẳn cho là Doãn biểu đồng tình, liền nói tiếp:

– Đứa bé chưa có mắt con chắc ông còn đợi vì chưa phải giờ điểm nhỡn.

Doãn không thể nhịn cười được:

– Bác này cũng khá đấy. Biết xem tranh. Chắc bác có học chữ Nho.

Người mặt đỏ lộ vẻ sung sướng, đáp:

– Bẩm không, cháu theo đòi chữ Tây. Cháu đỗ tốt nghiệp được ba năm nay...

– Dễ thường trong làng chỉ có bác đỗ Tây học đấy nhỉ?

– Bẩm vâng... trừ nhà cụ lớn ra.

Doãn mỉm cười ngẫm nghĩ:

– Thế là trong làng có hai nhà thông thái thì một nhà bận vẽ, còn một nhà bận xem vẽ.

Doãn đứng dậy gấp ghế và giá vẽ lại. Người rỗ mặt nói:

– Cháu cũng phải ra đình họp việc làng.

– Bàn việc gì đấy?

– Bẩm bàn việc sửa lại đường làng và đào cái giếng. Mãi hôm nay mới mời được thầy địa lý về tìm chỗ đào cho khỏi động.

Doãn lững thững xách tranh và giá vẽ theo con đường lầy bùn trở về nhà, trí vẫn quanh quẩn nghĩ đến anh chàng Tây học rỗ mặt. Chàng lẩm bẩm:

– Không hiểu cái học của anh chàng dùng để làm gì?

Chàng không ngờ hoàn cảnh thay đổi người ta mau như vậy; chàng không thể nào tưởng tượng được rằng một cậu học trò lớp nhất mới sau có ba năm đã biến thành một anh kỳ mục vớ vẩn, ngu tối hình như cả đời chưa bao giờ cầm đến cuốn sách. Doãn khó chịu vì chàng không thể rời bỏ được cái cảm tưởng vô lý rằng anh chàng rõ mặt đó là cái bóng của chàng in trong chiếc gương để nhìn vào đấy chàng sẽ nhận thấy rõ hình dáng chàng. Doãn cũng thấy cái học của mình vô dụng như cái học của người kia; gác một bên bao nhiêu cái biết, đâm đuôi mê man với nghệ thuật để lấy một cái khoái chật hẹp, ích kỷ về tinh thần, chàng thấy chàng không khác gì cậu học trò vô tâm kia, cả ngày không biết làm gì, ra đứng

xem vẽ tranh để mua vui cho qua thì giờ.

Doãn buồn bã lạ thường. Chàng rẽ vào nghỉ trong một cái quán, đặt bức tranh ở góc tường, và đứng lui ra xa ngắm lại. Chàng thấy các màu hồng hết, lắc đầu chán nản.

Nhưng chính cái chán về nghệ thuật ấy đã an ủi Doãn trong lúc bần khoản: lòng ích kỷ bao giờ cũng mạnh, xui chàng bo bo giữ lấy cái thú vẽ là cái thú độc nhất của đời chàng. Doãn vẫn như không muốn nhận có sự thay đổi đương nào động trong tâm hồn nên tìm có giảng giải cái bút rút của mình:

– Mình chán nản không yên tâm, có lẽ vì độ này mình vẽ không ra hồn, hồng luôn.

## III

**B**iết là có phiên chợ, Doãn dậy sớm ra ngồi ở hàng nước đầu làng để đón những người gồng gánh đi qua. Chàng cần lấy dáng điệu một bọn người gánh hàng, vì chàng đang làm dở một bức tranh phong sơn vẽ cảnh chợ nhà quê.

Doãn vẽ đã mỏi cả tay mà vẫn còn muốn vẽ. Giở cuốn sổ tay xem lại, chàng thấy nhiều dáng rất linh động. Nhưng chàng vẫn nhận thấy nó sai hẳn sự thực; người ở trang giấy đẹp dễ, sạch sẽ khác

xa những người thật xấu xí, bẩn thỉu, tiêu tụy đi diễn qua trước mắt chàng từ sáng đến giờ. Thấy một bọn người đi ngang, Doãn lại cảm đầu phác họa; mê mãi với những hình; những nét hoạt động trước mắt, Doãn lại quên được một lúc không nghĩ ngợi lôi thôi.

Thấy vẽ tranh hồng mãi, Doãn đã hai tháng nay ở lì trong xưởng vẽ, làm mấy bức bình phong bằng sơn Việt Nam. Từ việc tô nét vẽ lên gỗ, bôi sơn, rắc vàng đến việc ngời mài sơn cho lên nước, nhất nhất chàng đều làm lấy cả. Chàng không muốn bắt chước nhiều họa sĩ khác để thợ làm thay mình: Chàng cho thế là mua pháo mượn người đốt. Làm chỉ cốt lấy thích cho mình, nên có người nhà giàu đã trả tới bốn trăm bạc một bức bình phong nhỏ mà chàng còn ngần ngại chưa bán. Nhưng cái cố chính khiến chàng không

muốn bán là thấy người nhà giàu không hiểu một tí gì về nghệ thuật, mua bức bình phong chỉ cốt để khoe sang với mọi người. Chàng không muốn bức sơn của chàng dùng vào việc đó.

Doãn cầm bát chè tươi uống một hớp rồi mỉm cười chua chát. Vẽ tranh cho bọn nhà giàu, chàng thấy không khác gì những bọn thợ ngày xưa hết lòng, hết sức ngồi chạm trổ rất công phu tỉ mỉ những đầu rồng cánh phượng chỉ cốt làm đẹp mắt các bậc vua chúa, còn thân phận khốn khó của mình thì không bao giờ nghĩ tới, không bao giờ tìm cách làm cho đời mình đẹp đẽ hơn lên. Nhưng Doãn cho mình hơn bọn thợ ngày xưa vì chàng có học, chàng hiểu. Nghĩ đến đó, Doãn lẩm bẩm:

– Cần gì hiểu với không hiểu, chỉ biết rằng công việc của mình giống hệt công



việc của họ. Họ vì thích làm đẹp mắt người trên còn mình vì lòng thích nghệ thuật, cái thích có khác nghĩa; nhưng công việc đều ngu muội như nhau.

Bên vệ đường, một người ăn mày vừa ngồi xổm vừa lê chân đi miệng xuýt xoa kêu khóc. Trong dáng dấp hay hay, có vẻ đặc biệt Việt Nam, Doãn toan phác để cho vào bức sơn vẽ cảnh chợ song chàng lại thôi vì thấy ngượng tay.

Doãn rút một xu vào giá người ăn mày, bảo im không được kêu, nhưng chỉ một lúc sau, khi người ăn mày đã đi khuất sau lũy tre, tiếng kêu khóc lại thấy rền rĩ, tha thiết.

Tiếng người ăn mày, Doãn nghe như một lời than não nùng tự thời vãng xa xăm cửa chàng đưa lại. Cái xã hội nghèo khổ của chàng hồi thuở bé, hơn hai

mười năm qua, chàng lại thấy nó hiện y nguyên trước mặt. Chàng tưởng như cảnh vật không thay đổi chút nào và có lẽ không bao giờ thay đổi nữa. Đối khác trước họa chăng chỉ có một mình chàng.

Một người đàn bà gánh vàng mã và mũ thổ công đi lại. Doãn mở to mắt chăm chú nhìn, cảm động; nhưng lúc đó chàng không phải là một nhà họa sĩ hội họa khi được ngắm những hình sắc đẹp nữa. Chàng chỉ là một người ngây ngất vì thấy một cảnh nhìn đã quen mắt hơn hai mươi năm trước, nay hiện ra, như sống lại. Người đàn bà cúi chào Doãn. Doãn mỉm cười nói:

– Kia, bác Trạch.

Người đàn bà sung sướng lộ ra mặt, đáp:

– Quan còn nhớ đến tên tôi kia à?

Đã nhiều lần Doãn gặp những người đàn bà láng giềng nghèo của chàng ngày trước; nhưng chỉ lần này là chàng để ý và nhớ lại tên. Chàng bảo người đàn bà vào ngồi ở hàng nước và hỏi xa gần, nhắc đến những chuyện ngày xưa, có lúc cảm động, chàng tự hỏi:

– Sao lại chỉ có mình là đổi khác trước?

Chàng hồi hận rằng vì nhờ có bà Thượng đem về làm con nuôi, chàng đã một mình trốn tránh được cái nơi nghèo khổ mà đáng lẽ chàng phải sống. Nhờ có trí thông minh, cậu bé mồ côi cha mẹ, mặc quần áo nâu vải, đan lờ đem ra chợ bán để khỏi chết đói, nay đã trở nên một người có học thức, sống một đời sung sướng sang trọng.

Ngồi đối diện với người đàn bà là bạn của mẹ chàng, nét mặt tiêu tụy, quần áo rách rưới, trong bao nhiêu năm vất vả kéo dài cái đời khốn khó, nghĩ đến cảnh đời không đáng sống của mẹ chàng ngày trước, của hết thảy những người chung quanh chàng, Doãn thấy tâm hồn rung động, rạo rực về một mối thương man mác. Trong phút đó, chàng đã nhận thấy rõ rệt cái trống rỗng ghê gớm của đời chàng mà lòng yêu nghệ thuật dẫu đắm đuối đến đâu cũng không sao che lấp được.

Bác Trạch cầm nón đứng dậy nói:

– Xin phép quan, tôi phải ra chợ thu nhập tiền nong để vào nộp cụ. Tôi nhờ vả cụ nhiều quá nên không dám chây lười, phải cố cầm bán đi mà trả, lần này còn lần khác. Nếu không đủ, quan làm ơn nói giùm họ.

Doãn nói:

– Bác thiếu bao nhiêu?

– Băm năm chục.

Doãn sừng sốt. Bác Trạch nhận thấy vẻ ngạc nhiên trên nét mặt Doãn, liền giảng giải:

– Thường thường tôi chỉ đến nhờ cụ năm ba đồng để lấy tiền buôn bán. Lần này nợ nhiều như thế là vì hồi năm ngoái, thầy cháu mất, phải cần mấy chục bạc đưa ma. Giá độ ấy cụ không thương mà giúp cho thì thật không biết xoay sở thế nào.

Doãn đã toan cất tiếng trách bác Trạch vay tiền để tiêu một cách vô lý, nhưng chàng cho là việc đã qua rồi; chàng định chốc nữa về xem sổ nợ để xin mẹ nuôi cho bác Trạch số tiền lời, chỉ

đòi lại số tiền gốc thôi.

Sắp về đến cổng nhà, Doãn phải đi thông thả lại vì chợ họp đã đông. Chàng cúi đầu đi rẽ qua dãy lều bán chuối để ra phía sau chợ theo đường tắt về nhà như người đi trốn. Mỗi lần nhìn những người nhà quê nhem nhuốc ngồi bệt xuống đất, bên những đồng rác hôi hám, hàng bán lèo tèo mấy thức quà vật bán thiu, đầy cát bụi, và mỗi lần ngửi thấy mùi quần áo, mùi mồ hôi người lẫn với trăm nghìn thứ mùi khác ở các hàng xông lên, Doãn có cái cảm tưởng khó chịu về sự bất di dịch của xã hội quê, bao giờ cũng khốn nạn, cũng nghèo xơ xác như bao giờ. Chàng thấy cảnh ấy hai mươi năm trước cũng vậy; chàng buồn bã đoán rằng mấy mươi năm sau nữa rồi cũng thế này thôi, không có chút hy vọng gì về sự thay đổi hoàn toàn và kịch liệt như một trận gió

mạnh nổi lên thổi sạch hết bụi cát, rác rơm.

Doãn so sánh túp nhà lụp sụp, tối tăm ở hai bên vệ đường với những mái nhà gạch cụ Thượng đỏ tươi lẫn sau chùm lá hoàng lan phơi phới ánh sáng. Bên trong bức tường cao, ngọn cấm đầy mảnh chai vỡ, là một thế giới khác, biệt lập và sự nghèo khổ, bản thủ hình như đến bức tường là ngừng hẳn lại.

Lúc đó Doãn thấy cái nghệ thuật của chàng không khác gì bức tường cao kín kia bấy lâu đã che khuất mắt chàng không cho nhìn thấy những cảnh tiêu tụy ở bên ngoài. Chỉ ít lâu nay, chàng mới mở mắt nhìn, nhưng không phải tìm cảnh để vẽ như trước; Doãn nhận thấy nghệ thuật của chàng như bức tường lở dần dần, mỗi ngày lại để lộ ra trước mắt chàng thêm một mẫu phong cảnh, tuy xấu xí nhưng

một lần đã in vào trí não thì không tài nào xóa bỏ được nữa.

Khi vào đến sân, nhìn những bọn người đi rải rác khắp nơi đợi vay thóc vay tiền, Doãn có cái cảm tưởng rằng sự nghèo khó đã theo chàng ừa vào trong nhà. Màu quần áo họ, thảm đạm như màu đất, trái ngược hẳn với màu vàng sáng chói của giá lộ bộ, của những chữ đại tự trên hoành phi, với màu trắng xanh của mấy chiếc thống lớn đặt trước thềm.

Doãn trông thấy có cả bác Trạch ngồi đợi ở một góc nhà. Bà Thượng đứng trên hiên thấy Doãn về liền mỉm cười nói:

– Quan cử về xem sổ hộ. Thư ký hôm nay lên tỉnh vắng.

Lần đầu Doãn để ý đến và khó chịu vì lời xưng hô kiểu cách của mẹ nuôi. Lúc



vào ngôi ở bàn, thấy mấy người đứng cạnh khúm núm chấp tay sợ hãi, Doãn cau mày nhìn họ tỏ vẻ tức bực. Chàng ngấm nghĩ:

– Họ sợ hãi mình thì lạ thật. Hay là vì họ cho mình là con nhà quyền quý, lại biết luật nên có thể trị họ được... Nhưng sao họ lại chỉ nghĩ đến việc mình có thể hại họ, trị họ.

Nể lời bà Thượng và đã trót hứa với bác Trạch lúc nãy nên Doãn đành cố ngồi lại, giở sổ xem. Chàng gọi tên một người nhà quê, bảo đứng lại gần rồi lẩm nhẩm đọc:

– Ngày 12 tháng 4 năm ngoái lấy bốn thùng thóc với năm đồng bạc, ngày mùng 4 tháng 7 vay bốn đồng nữa, tháng tám trả năm đồng, tháng chạp lại vay một chục tiêu về việc làng. Thành tất cả

bây giờ phải trả mười bốn đồng bạc với bốn thùng thóc.

Có tiếng vịt kêu. Doãn nhìn xuống thấy dưới chân người nhà quê, bên cạnh mấy thùng thóc, có đặt một cái lồng lớn trong có bốn con vịt.

Doãn hỏi:

– Đem vịt đi đâu thế này?

Người nhà quê vừa đặt tiền vừa xuyt xoa nói:

– Chúng con lòng thành mong cụ lớn và quan nhận cho.

Doãn gắt:

– Tiền và thóc nợ thì tôi nhận, còn vịt thì đem về ngay.

Người nhà quê ngạc nhiên, nhưng sợ hãi vì câu nói gắt của Doãn không dám khản khoản, vội xách lồng vịt lùi ra, có vẻ tủi thân. Doãn không để ý đến, cặm cùi giờ sổ đọc, trong lòng hơi vui, vì thấy nhà mình đã giúp cho bao nhiêu người túng thiếu được nhờ. Ngẫm nghĩ một lát, Doãn mở cuốn sổ xuất, đối chiếu với cuốn sổ nhập. Chàng lặng người ngồi yên, mắt mở to nhìn vào trang giấy không để ý đến những tiếng ồn ào chung quanh, không để ý đến mấy người đứng cạnh bàn đương đợi. Không phải chàng ngạc nhiên vì số lãi nặng, cũng không phải chàng ngạc nhiên vì thấy mẹ nuôi cho dân vay để lấy lãi tuy nhà đã giàu, tiêu không hết của. Chàng bàng khuâng như người vừa ra khỏi một giấc mộng, lơ mơ được thấy chút ánh sáng lọt vào buồng tối.

Chàng nhận thấy rằng tiền bạc ăn học của chàng trong bao năm là tiền của những người nhà quê đói khổ ngời kia, hay tiền của những người nhà quê ở những nơi khác, chỗ cha nuôi chàng làm quan. Trước kia chàng cũng biết thế rồi, nhưng chàng không để tâm nghĩ đến và nhất là không lúc nào chàng đã cảm thấu sự khốn nạn của điều đó mãnh liệt, sâu xa bằng lúc này.

Lúc này khi đến cổng, chàng cho bức tường cao vây chung quanh nhà là để ngăn cản những người nghèo khổ; ai ngờ đâu chính những người nghèo khổ đó đã van lạy xin vào để bị bóc lột mà vẫn thản nhiên không biết. Doãn ngừng lên, nhìn qua những người nhà quê một loạt, và thấy họ có vẻ những người chịu ơn nhà chàng nhiều lắm, hình như ơn ấy họ cho là đầy nặng, họ còn phải kiểm các

thức ngon lành, nhìn ăn đem đến biểu tạ ơn, tạ ơn người đã hại họ.

Bà Thượng lại gần nói:

– Anh không đọc sổ cho người ta. Để người ta đợi mãi, tan chợ mất.

Doãn quay vào và ngơ ngẩn ngẩn nét mặt của bà Thượng; lạ thay chàng thấy nét mặt của bà Thượng lúc đó như nhiễm đầy vỏ phúc hậu, dịu dàng. Đã trong bao nhiêu năm, bà làm hại bao nhiêu người mà bà vẫn hồn nhiên không biết.

Doãn cầm đầu bút chì ngẫm nghĩ và thoáng một lúc chàng đã tìm được một nhẽ lý của những sự trái ngược ấy.

Chàng nhớ lại đêm đọc cuốn truyện, nhớ lại cái cảm tưởng rằng nơi chàng ngồi đọc sách là một cái cù lao sáng nổi

lênh bệnh ở giữa một khoảng tối tăm vô hạn. Tất cả những người chung quanh chàng lúc đó, từ mẹ nuôi chàng cho đến những người nhà quê ngồi kia, như bị chìm đắm vào trong đêm tối; họ đã quen đi rồi, mà từ xưa tới nay không có một người nào bảo cho họ biết tình cảnh của họ. Doãn lấy làm lạ rằng đến ngay như chàng cũng đã bao lâu ở trong đêm tối tăm đó mà không ngờ gì cả.

Tiếng còi ô-tô ở xa đưa lại khiến Doãn mừng rỡ đứng lên nói:

– Chắc thư ký đã về.

Thấy tâm trí bối rối, Doãn muốn được yên tĩnh để nghĩ ngợi. Chàng lại gần bà Thượng, nói giúp hộ bác Trạch, rồi đi rẽ xuống sân toan về phòng. Vừa lúc đó, một cái ô-tô hòm kiểu mới tiến vào trong sân, bóng loáng như một con bọ

cánh cam khổng lồ. Mấy người nhà quê sợ hãi, chạy tạt ra hai bên, rồi khúc khích cười, vui vẻ đưa mắt nhìn Lan, Tuyết và Dung ở trên xe bước xuống. Doãn tưởng như vừa thấy ba cô tiên xán lạn ở trên bồng lai bước xuống cõi trần thảm đạm. Chàng để ý đến những người nhà quê và thay họ khi nhìn không mấy may lộ chút thèm thuồng hay đau đớn vì so sánh hai cảnh khác nhau. Họ cũng như chàng, nhìn Lan, Tuyết và Dung như nhìn thấy cô tiên lộng lẫy ở trong tranh không có liên lạc gì đến cái đời lấm bụi của họ.

Doãn mỉm cười:

– Giá mà họ biết rằng ba cô em mình được sang, đẹp và sống nhàn rồi là nhờ họ, nhờ ở cái số tiền lãi bao nhiêu năm súc tích lại!

Trong lúc chàng nghĩ, tiếng một người nhà quê kêu xin năn nỉ với bà Thượng éo le lọt vào tai chàng như làm tăng sự cay chua của ý nghĩ:

– Xin cụ lớn rủ lòng thương cho khất lại số tiền lời đó. Cụ lớn bắt trâu thì chúng con xin chịu, nhưng xin cụ lớn đoái tưởng đến vợ chồng, con cái chúng con sống chết ở tay cụ lớn mà rộng lòng thương cho.

Xuống xe sau ba cô em chàng là Bảng và bà nghị Tuệ thân sinh ra Bảng. Tuyết thấy Doãn nhìn về phía ô-tô mà không chào bà nghị, liền cất tiếng cười nói đùa:

– Anh tôi lại mãi ngắm vẽ. Nhưng xin đừng vẽ chúng tôi đấy.

Doãn giật mình, chạy ra bắt tay Bảng và cúi chào bà nghị, Lan nhí nhảnh nói:



– Bác nghị trách anh mãi đấy. Bác bảo anh không biết việc gì khác, chỉ biết cầm đầu vẽ, không được tích sự gì cả. Bác bảo anh phải đi chơi để mở mắt ra. Anh đừng giận em nhé, vì em chỉ nhắc lại lời của bác... nguyên văn. Cam đoan không thêm bớt một chữ.

Doãn cười nhạt nói:

– Anh cũng sắp mở mắt. Hiện giờ mới mở hé thôi. Cũng tạm đủ nhìn.

Bảng ôn tồn bảo Doãn:

– Độ này tôi thấy chú gầy lắm. Chú phải liệu làm việc có chừng thôi. Nên đi chơi luôn cho giải trí.

Doãn đáp:

– Làm việc có bao giờ yếu người đi. Chỉ yếu khi nào mình lo nghĩ.

Doãn biết rằng Bảng không tài nào hiểu được sự lo nghĩ của chàng, nên nói tránh đi cho Bảng khỏi hỏi lời thôi:

– Nhưng mà tôi lại không lo nghĩ gì cả. Bao giờ tôi cũng vui vẻ.

Nói vậy nhưng lúc đó Doãn có cái cảm tưởng như một người ở trên bờ vừa bước xuống chiếc thuyền con bập bênh, đương ngả nghiêng giơ hai tay tìm chỗ vịn cho khỏi ngã mà chưa tìm thấy. Nhìn Bảng đứng vững chải chống hai tay vào cạnh sườn, nét mặt hồng hào, tóc bôi dầu bóng mượt, hình như suốt đời không bao giờ phải suy nghĩ, bút rút, Doãn lấy làm thèm; chàng thầm ước được như Bảng, người mà chàng vẫn khinh xưa nay. Giờ chàng mới biết rằng trước kia hồi chàng còn bình tĩnh cầm cúi vẽ tranh, chàng không có quyền gì khinh Bảng cả. Chàng lẩm bẩm:

– Mình phải tìm cách thoát ra khỏi bước này.

Bỗng tự nhiên, thoáng trong một lúc, Doãn thấy yên trong dạ. Chàng nhìn thấy ngọn cau in như cắt hình lên nên trời không vẩn mây; cái cảnh diễm nhiên của cây cỏ tự nghìn vạn năm vừa khiến chàng tự trách mình gàn dở và không đâu chuốc lấy những nỗi băn khoăn vô nghĩa. Chàng thấy dân quê trong bao lâu cũng hồn nhiên sống như cây cỏ và cái ý tưởng so sánh dân quê với cây cỏ ấy an ủi được chàng trong giây lát.

Nhân lúc bà Thượng chạy ra rồi rít hỏi chuyện bà Nghị và Bảng, Doãn yên lặng bước lên hiên về phòng. Mỗi lần gặp bất cứ việc gì khó chịu, hễ vào tới xướng vẽ đóng cửa lại, là Doãn thấy trong người nhẹ nhàng ngay, quên được hết mọi sự. Lần này chàng cũng cố quên, nhưng

không thể được vì cái phiền muộn nó ở trong thâm tâm chàng nảy ra chứ không phải ở ngoài đưa đến.

Doãn ngồi chống khuỷu tay xuống đầu gối, hai bàn tay ép lấy hai bên má như người bị lạnh, lông mày dương cao làm da trán nhăn thành mấy nếp, mắt mở to vờ vờ nhìn những bức tranh treo trên tường.

Những bức tranh ấy vẽ đủ khắp các cảnh quê chàng gặp ở trong làng và ở các vùng lân cận. Những thứ ánh sáng đẹp đẽ, những màu diễm lệ trong mấy năm trời chàng đã tốn bao công phu ghi được trên vải, coi đó là cái khoái độc nhất của đời chàng, nay không làm rung động lòng chàng nữa. Cùng với cái mộng của chàng, vẻ kỳ ảo của những màu trong tranh đã tan đi chỉ còn lại những hình dáng khô khan, trở trên lại làm Doãn lại

nhớ tới cảnh thực bên ngoài. Cảm tưởng của chàng lúc đó không khác gì cảm tưởng của chàng khi đứng xem người ta vớt bèo trên ao; mảnh bèo xanh đẹp như một bức thảm gấm đã mất đi và để lộ ra màu đen bản của nước ao tù.

Có tiếng động ở bên xưởng vẽ, Doãn đứng dậy chạy sang. Người con gái quê làm kiểu mẫu cho chàng, như mọi ngày đã ngồi đó ngoan ngoãn đợi chàng sang vẽ.

Doãn nói:

– Hôm nay cho chị nghỉ. Tôi hơi mệt.

Chàng quay ra để người con gái thay áo và nghĩ đến bao nhiêu sự khó khăn chàng đã phải vượt qua, bao nhiêu công phu luyện tập mới có được một người con gái biết ngồi làm mẫu. Lần này là lần

đầu có người ngồi làm kiểu sẵn sàng, trời có đủ ánh sáng mà chàng không thiết vẽ.

Đợi cho người con gái đi rồi, Doãn lấy ra một tấm bình phong đã khô sơn, đặt lên bàn, rắc nước và lấy than mài. Chàng không nghĩ ngợi, tay đưa đi đưa lại miếng than như cái máy; mỗi lần chàng té nước vào chỗ mài thì những nét bạc lại lộ ra lấp lánh. Nhà cửa và cây cối dần dần thành hình trên nền sơn đen như cảnh vật ở trong một thế giới mộng. Chỉ được một lúc, Doãn lại thấy những ý nghĩ lan man đến quấy rối. Nhìn cái cảnh đời đẹp đẽ, sạch sẽ hiện ở dưới bàn tay đen những than của chàng, Doãn lại nghĩ đến một câu văn đã đọc trong sách. Chàng lẩm bẩm nhắc lại:

– Lúc nào anh cũng phải tự nhủ rằng đời có thể đẹp hơn lên được, đời của anh, đời của những người khác.

Doãn vừa mài vừa ngẫm nghĩ. Chàng thấy đời chàng sống bấy lâu thật đẹp đẽ, nhưng đó chỉ là một cái đẹp ảo mộng, như một làn mây mỏng hơi có trận gió là tan ngay. Nghĩ đến ông Thượng, bà Thượng, đến nhà cửa, ruộng nương, nghĩ đến thú tiền của đã giúp chàng đi học, Doãn cũng như nhà văn nọ không muốn nhận cái đời đầy đủ, sung sướng xây trên sự thiếu thốn của người khác.

Doãn giật mình vội gạt nước nhìn: trong lúc đang trí, chàng đã quá tay mài mất một nét vẽ. Chàng chép miệng rồi lại đều đều đưa miếng than để trí theo đuổi cái ý tưởng đương bỏ dở.

Chàng tự nhủ:

– Nhưng mình không làm thiệt hại đến ai, mình có quyền sung sướng được không?

Trước kia chàng đã sung sướng, nhưng chàng sung sướng một cách vô tri vô thức, đến nay đã sực tỉnh, đã hiểu biết; nếu cái sung sướng ấy không vững thì tất nó không thật, không chính đáng. Chàng mang máng thấy cần phải tìm một cách sống khác, một quan niệm khác về hạnh phúc có thể đem ra đời với những cảnh thực đau đớn bên ngoài mà không rung chuyển. Một khi đã nghĩ đến, chàng không thể khư khư ôm lấy cái thú chật hẹp của chàng trước kia được nữa; hạnh phúc của chàng từ nay đã thấy rõ rệt rằng nó phải có liên lạc với hạnh phúc của những người chung quanh; đời chàng, đời một người dân đã nhờ sự may mắn được sáng sủa, cần phải ăn nhịp với đời đám dân quê tối tăm, bạn cũ của chàng. Sự nhịp nhàng ấy cần cho hạnh phúc đời



chàng cũng như sự hòa hợp của các màu  
cần cho vẻ đẹp những bức tranh chàng  
vẽ.

## IV

ĂN đã gần xong bữa, Doãn buồn rầu nhìn mâm cơm đầy cao lương mỹ vị mà không ai đả động tới. Chàng vừa ăn vừa cúi mặt xuống vì chàng không muốn để Vĩnh ngượng mỗi khi chàng nhìn thẳng vào mặt Vĩnh. Từ ngày Vĩnh xin ra làm Tri huyện hai người ít khi gặp nhau, nên Vĩnh đối với Doãn cũng gần thành một người xa lạ, Doãn không thể nào tưởng tượng được rằng người mặc quần áo ta, đội khăn tề chỉnh, cổ áo viền sợi dây đỏ trước mặt chàng lúc đó, trước kia đã nhiều lần cùng chàng

vừa hát nghêu ngao vừa nện mạnh gót giày trên các đường phố ở Pa-ri những đêm mưa tuyết. Cùng đỗ cử nhân luật một năm, cùng về nước một chuyến tàu, Vĩnh lo xin ra Tri huyện, con Doãn thì ở yên nhà quê, miệt mài với nghề vẽ. Hôm nay Vĩnh về để nói cho mẹ biết rõ việc dân kiện chàng vừa mới xảy ra.

Bà Thượng chỉ món chim hầm, âu yếm bảo Vĩnh:

– Con ăn đi chứ.

Vĩnh gấp lấy lệ cho mẹ bằng lòng. Doãn để ý thấy Vĩnh chan nước rau, ăn mấy miếng cá, và rồi lua cho hết bát cơm. Cơm tuy trắng, tuy mềm dẻo nhưng lúc đó đối với Vĩnh cũng khô ran, khó nuốt như cơm gạo đỏ của bọn dân nghèo. Doãn thấy bà Thượng khi gặp biến lại yêu con hơn lúc thường; từ khi biết

tin, bà chỉ lo tìm cách cho con thoát khỏi bước khó khăn, chứ không hề tự hỏi tại sao con bà đã thừa tiền, lại còn ăn hối lộ. Bà chỉ thỉnh thoảng than phiền cùng Doãn:

– Tao đã bảo nó năm nay năm hạn phải nên cẩn thận, nó cứ không thèm nghe.

Ăn xong, Doãn và Vĩnh cùng bước sang bên xưởng vẽ, Vĩnh khép cửa lại hỏi Doãn:

– Tôi cần ít tiền, anh có thể cho vay được không?

Doãn mở tủ lấy ra tập phiếu nói:

– Chú lấy bao nhiêu để tôi ký.

Vĩnh cầm tờ phiếu tay run run, khiến Doãn động lòng thương hại. Đột

ngọt, chàng nói với Vĩnh:

– Nên tính trước những sự có thể xảy ra được. Nếu chú phải cách thì làm sao?

Vĩnh đáp giọng quả quyết:

– Không thể nào xảy ra thế được. Nhưng nếu xảy ra thì...

Vĩnh cau mày ngừng một lát rồi tiếp theo:

– Nếu cách nào làm cho tôi khỏi mất danh giá thì tôi dùng cách đó.

Doãn biết là Vĩnh định nói đến cách tự tử. Chàng hỏi Vĩnh như chàng tự hỏi mình:

– Vì có gì?

Vĩnh nói:

– Tôi còn mặt mũi nào nữa!

– Nhưng nếu là một việc xấu thì đảng nào cũng xấu rồi cơ mà.

Nói câu ấy vì Doãn đã tin chắc ngay từ lúc biết chuyện rằng Vĩnh thật có lỗi, bị kiện không phải là oan. Vĩnh sửng sốt. Doãn vội phân trần:

– Chú đừng giận tôi. Tôi biết chú lắm. Tôi hiểu cái đau khổ của chú hơn ai hết, hiểu hơn cả anh em ruột thịt. Hơn mười năm trời cùng học cạnh nhau.

Thật tình Doãn chỉ thương em chứ không khinh, vì chàng biết Vĩnh là một người rất tốt; Vĩnh thành ra như vậy chỉ vì đã sống một cách sai lạc, hay nói cho đúng hơn, không bao giờ nghĩ đến việc tìm cách sống.

Vĩnh đưa mắt nhìn qua những bức tranh mà chàng không tài nào hiểu được vẽ đẹp. Chàng bảo Doãn:

– Chỉ anh là sung sướng, không lo không nghĩ, cả ngày mê mết với tranh ảnh. Giá tôi cũng thích vẽ như anh.

Doãn lại phía cửa sổ, cạnh chỗ Vĩnh đứng, rồi hai tay chống cằm nhìn ra ngoài vườn thong thả nói:

– Chúng mình sống phơ phất... sống như vậy không thể nói đến sung sướng được; nếu đó chỉ là cái sung sướng trong giấc mê, lúc tỉnh là tan mất ngay.

Doãn ngừng lên nhìn vẻ mặt bơ phờ của Vĩnh và trong trí so sánh lo nghĩ của chàng trong mấy tháng nay với cái lo nghĩ của Vĩnh. Hai cái lo thật khác nhau xa. Chàng cảm động nói:

– Chú không thể ngờ rằng mấy tháng nay tôi đã khổ sở đến bực nào. Tôi không thể thích vẽ như trước được nữa, cái thích độc nhất trong đời tôi.

Vĩnh có vẻ không hiểu, Doãn nói, giọng tha thiết:

– Chú thử nghĩ lại xem. Chú, dầu chú bị tù tội cũng không sao, nhưng tôi, nếu tôi không qua khỏi bước này, thì tôi không hiểu tôi sống, tôi sống đây để làm gì?

Hai người lúc đó cũng nhìn ra phía hàng rào ở cuối vườn. Qua lũy tre, một đám khói xanh tỏa lên mấy nóc nhà tranh lụp sụp đứng thu hình dựa vào nhau như có vẻ sợ hãi. Nhìn ngọn lửa vàng lập lòe sau lá cây, Doãn nghĩ đến mấy miếng cà Vĩnh vừa ăn cho trôi bát cơm trắng và những đĩa cà héo đen của người làm



ruộng suốt đời ăn cho trôi cơm lấy sức làm việc. Quanh năm vất vả, hết nắng thiêu lại đến gió buốt, mà họ không có chút hy vọng gì thoát khỏi cái đời lầm than của họ. Họ không bao giờ nghĩ đến điều đó nữa. Suốt ngày còng lưng nơi bùn lầy nước đọng, đêm về chui rúc trong những gian nhà tối tăm, chiếu hôi, giường bẩn, cảnh đời như thế lúc nào cũng ở trước mắt chàng mà sao trước kia chàng không nom thấy, thờ ơ đi tìm những vẻ đẹp mĩ mai của hình sắc. Doãn nghĩ đến những ổ rơm bẩn thỉu, những đứa trẻ gầy còm ốm yếu, cố sống cầm hơi chờ khi lớn để kéo dài mãi cái đời nhem nhuốc của ông cha.

Doãn mang máng như sắp nghĩ ra một điều rất quan trọng trong đời mình. Vì có Vĩnh đứng bên cạnh nên chàng không muốn cố tìm.

– Lát nữa ta sẽ đi chơi và nghĩ cho kỹ hơn.

Nhìn lại Vĩnh, tự nhiên chàng đem lòng khinh rẻ, chứ không thương nữa. Chàng lăm bắm trong miệng bằng tiếng Pháp:

– Tàn nhẫn mà không ngờ mình tàn nhẫn.

Chàng không biết đó là câu để mắng Vĩnh hay là để tự mắng mình. Tuy thấy Vĩnh cũng nhìn một nơi nhưng chàng biết là cảnh ấy không gợi trong óc Vĩnh cùng những ý tưởng như chàng. Chàng cất tiếng nói to cho Vĩnh nghe thấy.

– Chúng mình phải mở mắt nhìn. Tuy đau đớn thật, nhưng lúc cần thì phải biết đau đớn.

Chàng thấy Vĩnh tuy đứng cạnh

nhưng đã xa chàng lắm. Người bạn học của chàng, người đã cùng chàng chung một văn hóa, một ngày một xa chàng mãi. Chàng biết rằng nói với Vĩnh là vô ích. Muốn cho Vĩnh thay đổi thì Vĩnh cũng phải cảm thấy như chàng. Doãn đi lại phía bàn rút điều thuốc lá hút.

– Nhưng để làm gì? Đến mình đây, mình cũng chưa tìm nổi cách cứu được mình, nữa là.

Bà Thượng mở cửa hỏi:

– Hai anh em bàn gì trong đó?

Rồi bà bảo Vĩnh:

– Con ra đi thôi. Ô-tô đã về đón kia rồi.

Đợi cho Vĩnh ra khỏi, Doãn cởi áo ngoài, ngồi dạm nét vẽ lên trên gỗ. Chỉ

được một lúc, chàng vút bút chì, vút tẩy, đứng dậy đi đi lại lại trong phòng. Chàng ra hiên đứng nhìn trời cho khỏi nhức đầu rồi hai tay rút túi quần, đi qua vườn mở cổng sau ra đường làng.

Vài cái lá tre khô rơi ngay trước mặt Doãn, gió bắc thổi lũy tre kêu lắc rắc. Mùi bèo mới vớt ở ao lên để cạnh đường đi gợi trí nhớ Doãn tới thuở bé, nhớ lại mẹ chàng, người mẹ mà chàng không nhớ rõ mặt, nhưng tin chắc rằng đã sống một đời khổ sở cho đến lúc chết. Trong chiếc nhà tranh gần đây, vẫn có tiếng xay thóc và tiếng ru em như năm xưa...

Không lúc nào Doãn cảm thấy thân mình tro troi và đời mình quanh hiu bằng lúc đó. Bao nhiêu người yêu của chàng, cha mẹ, anh em, đều lần lượt theo nhau khuất dần; nghệ thuật, người bạn cuối cùng bấy lâu vẫn an ủi chàng cũng

bỏ đi nốt để chàng lại một mình chơ vơ. Chàng không hiểu còn cái gì, cái gì nữa giữ chàng sống ở đời... Doãn khoanh tay ôm chặt lấy vai như người lạnh; hai con mắt chàng mở to nhìn – Một chiếc lá tre khô từ trên cao rơi thẳng xuống nước; Doãn nhìn chiếc lá tre theo gió trôi trên mặt ao, lắc đầu lăm bắm:

– Thế nào mình cũng phải tìm một thứ khác thay vào!

Chàng nghĩ đến những họa sĩ bạn của chàng và cho mình có cái óc hơi khác thường. Tự nhiên mất lòng yêu nghệ thuật mất hết bình tĩnh trong tâm hồn mà không có ích lợi gì. Chàng đoán có lẽ tại ở nhà quê lâu ngày, bị hoàn cảnh ám ảnh.

– Có lẽ ta phải lên Hà Nội. May ra có thể lại yên tâm làm việc được.

Cái ý tưởng đi trốn ấy khiến Doãn mỉm cười, vì chàng cho là vô ích. Chàng cần tìm một lý tưởng để nó đem lại cho chàng sự bình tĩnh trong tâm hồn, nhưng cái bình tĩnh ấy phải chắc chắn ở vào hoàn cảnh nào cũng không mất được.

Doãn thấy mình không có quyền đi trốn, chàng phải sống ở đây, chàng phải giam mình trong cái đời trần thế kia như giam mình trong vũng bùn lầy; chính những nỗi khổ của người chung quanh sẽ đem lại cho chàng cái lẽ để mà sống. Nhìn những lũy tre các làng ở chân trời không bao giờ thay đổi hình dáng, nghĩ đến đời của đám dân trong bao nhiêu năm đóng nguyên một chỗ như vũng nước tù, Doãn nhớ lại điều chàng nhận thấy hôm giờ sổ cho vay nợ: họ khổ sở vì phải chịu sống mãi trong đêm tối vì không có ai soi sáng họ, dạy họ biết một

cách sống khác, gọi họ mơ ước một cảnh đời đẹp đẽ hơn. Doãn càng thấy rõ cái vô lý của công việc chàng bấy lâu; mê man đi tìm những thú ánh sáng huyền ảo trên các nóc tranh, không bao giờ tưởng quá tới sự thực thâm đậm: những cuộc đời tối tăm trong các gian nhà tối tăm. Nghệ thuật mục đích để tìm cái đẹp, làm cho người đẹp đẽ hơn lúc đó đối với chàng chỉ là một sự mỉa mai đau đớn!

Doãn đi rẽ sang con đường nhỏ để lên trên đê. Một người đàn ông đương cày một thửa ruộng và hai đứa bé đóng khố đứng dưới lạch nước lẩn sau hàng cỏi lơ thơ làm chàng nghĩ đến một bức tranh vẽ cũng cảnh ấy gửi bày ở Hà Nội. Chàng lại nhớ tới câu khôi hài chua chát của một người bạn nói với chàng khi ngắm bức tranh:

– Vật nhỏ mọn, đê tiện thế kia, thật không đáng cho người ta để tâm thương đến.

Nhưng hồi đó chàng không hiểu; bức tranh đối với chàng chỉ là một vẻ đẹp, ngoài ra không có ý nghĩa gì khác. Doãn lẩm bẩm:

– Đẹp thiếu gì cái đẹp... Sao mình lại chỉ yêu có mỗi cái đẹp về hình sắc.

Doãn tự nhiên thấy trong lòng mình man mác; chàng biết là sắp tìm ra được cách sống thế nào để có thể hòa hợp được hai sự trái ngược nhau: lòng yêu nghệ thuật và lòng trắc ẩn trước những cái đau khổ ở bên ngoài.

Doãn giơ tay hất bờm tóc gió thổi xõa xuống che khuất một bên mắt. Chàng nhìn ra phía sông, thở mạnh và



lắc đầu như thể xua đuổi hết những lo nghĩ rối loạn trong óc và để sẵn sàng đón tiếp những ý tưởng quang đãng nó như sắp ở xa theo gió đưa lại.

Doãn đi rẽ sang qua đê cũ lượn sát bờ sông để ra chỗ “bụi tre một” cạnh một cái bến đò bỏ không. Chàng ngồi xuống một mô cỏ, ngay chỗ mà hồi còn bé đã nhiều lần chàng ngồi đợi mẹ đi chợ qua đó về. Cũng như hai mươi năm xưa, bên làn nước gợn sóng lăn tăn, xác những con vờ vướng ở ngọn cỏ phất phơ trước gió chiều...

Doãn táy máy rút một cây cỏ đưa lên miệng nhai lá. Mùi đất ở rễ cỏ chàng tưởng như một mùi thơm của thời quá vãng còn vương lại, để chàng nghĩ đến cái ý nghĩa của quê hương. Doãn thấy mình đã bao lâu nay sống ở giữa chốn quê mà đối với quê như một người xa lạ;

bây giờ chính những cảnh nhem nhuốc của quê hương đã kích thích chàng, xui giục chàng quay về với quê hương và mong mỏi cho quê hương trở nên đẹp đẽ. Đời của đám dân quê đã bao lâu bị chàng thờ ơ, lạnh nhạt, bỏ quên như xác những con vờ bên kia sông, từ nay chàng sẽ săn sóc tới.

Thoáng một lúc chàng thấy hiện ra, trên những làng xóm ngủ yên, in bóng xuống các ruộng nước trắng rải rác ở chân trời, những cảnh đẹp khác hẳn những cảnh đẹp chàng vẫn phô diễn trong tranh: đó là những cảnh đời đẹp đẽ sáng sủa mà mấy tháng trước đây chàng có lần tưởng đến, nhưng cho là không bao giờ thành được sự thực. Doãn ngầm nghĩ.

– Ta phải hết lòng đi tìm cái đẹp ấy cho người khác cũng như là bấy lâu ta

đi tìm cái đẹp về hình sắc để ghi trên vải lụa.

Ý nghĩ ấy làm chàng vui vẻ vì nó thỏa được lòng yêu nghệ thuật cổ hữu của chàng.

– Trong công việc tô tạo vẻ đẹp của đời người, ta sẽ khoan khoái và lòng ta cũng rung động một cách êm ái như trong khi tìm những màu hòa hợp để vẽ nên tranh... Cảnh đời đẹp đẽ của dân quê đối với ta cũng là một bức tranh đẹp.

Doãn ngồi không dám động dậy sợ những điều chàng mới nhận ra như con chim còn nhút nhát bay vụt mất.

Mấy ngôi sao chiều yếu ớt mới mọc ở chân trời mờ sương lúc ẩn lúc hiện. Nghĩ đến cái sung sướng bắt đầu nhóm trong lòng Doãn lắm lắm:

– Ước gì lòng ta cứ mãi mãi được như thế này.

Chàng mỉm cười vì nghĩ đến rằng mình giàu có, sang trọng ai cũng tưởng như vậy là đủ sung sướng, không ngờ đâu hạnh phúc của cả đời mình lại dựa vào một cái vô hình, mỏng manh không có giá trị gì đối với mọi người.

Doãn đi vòng ra phía chỗ đề về cổng trước. Lúc đó trời xâm xẩm tối. Hai dãy nhà bên đường đã đóng cửa gần hết: thỉnh thoảng qua phen giậu thấp thoáng ánh đèn.

Bóng tối nặng nề như đè các mái tranh thấp sát xuống đất; cảnh tượng thăm đăm mọi ngày trông càng thăm đăm hơn, nhưng Doãn, chiều hôm nay, nhìn đến không còn buồn nản một cách khó chịu nữa. Chàng có cảm tưởng là lạ rằng

vừa đi du lịch ở một nơi rất xa nay trở về quê, thấy cảnh vật có vẻ thân yêu chàng và đón mừng chàng như đón một người bạn cũ. Lúc đi ngang qua túp nhà Doãn ở trước, nay lại tồi tàn hơn xưa, hình như trong bóng tối mờ mờ. Doãn thấy mẹ chàng ăn mặc theo lối một người dân nghèo, đứng ở cổng có vẻ mong đợi chàng đã lâu. Doãn tưởng trông thấy mẹ mỉm cười mừng rỡ, mừng rằng nay chàng lại biết đoái hoài tới những người bạn hèn cũ, chìm đắm trong tối tăm; bên tai, Doãn nghe văng vẳng như có tiếng hỏi dịu dàng âu yếm:

– Con đã về?



### 3. CHẾT DỞ

KHƯƠNG chống hai tay xuống chiếu, lê dần người ra một góc giường, rồi giơ tay mở ngăn kéo bàn. Chàng cúi mặt nhìn vào trong ngăn kéo, nhưng vì buồn tối, không nom rõ, nên chàng cho tay vào lục lọi, năm ngón tay xòe ra quờ quạng bốn góc. Tìm một lúc lâu, chàng đẩy ngăn kéo lại, có vẻ thất vọng. Khương nhớ rõ một hôm có vút vào ngăn kéo một điều thuốc lá hút dở,

thế mà nay biến đầu mất. Chàng cau mày  
lẩm bẩm:

– Chắc lại thằng nhỏ khốn nạn ấy nó  
xoáy của mình rồi.

Bỗng Khương chợt thấy một mẩu  
thuốc lá nằm gọn ở chân cái mễ. Chàng  
cầm lên, thổi mạnh cho hết bụi, để vào  
mũi ngửi.

– Thuốc lá Ăng-lê. Chắc là của thằng  
cha Hạp lại thăm mình hôm nọ.

Khương nhồm dậy và lấy ngón tay  
cời thuốc cho tươi. Chàng nhìn dùm thuốc  
trong lòng bàn tay, vui mừng nói:

– Cũng được một điều nhỏ.

Móc túi một lúc lâu, Khương lấy ra  
một tập giấy thuốc lá, ngồi loay hoay  
quấn. Chàng làm công việc ấy rất thông



thả như có ý kéo dài cái thời kỳ chờ đợi được hút một điếu là rất ngon.

Từ ngày bị liệt hai chân – đến nay đã gần bảy năm – Khương lúc nào cũng quanh quẩn bên giường.

Không làm việc gì cả, nên chàng lấy cái nghiện thuốc lá làm một cái thú độc nhất để khuây khỏa nỗi buồn. Nhà chàng nghèo dần; chàng còn sống được đến bây giờ là nhờ ở người vợ có ít lưng vốn mở một cửa hàng bán gạo tẻ.

Khương đánh diêm châm điếu thuốc lá, nhưng vì thuốc ảm, hút mỗi mồm cũng không được tí khói nào. Giấy ướn nước bọt, rách tung; Khương nhổ mạnh cho những sợi thuốc khói bám lấy môi rồi tức mình quẳng điếu thuốc đi.

Khuơng nằm im một lúc, toan gọi thằng nhỏ, thì có tiếng vợ chàng thét ở ngoài nhà. Chàng định bảo thằng nhỏ xin tiền mua thuốc lá, nhưng thấy vậy, chàng đành nhịn thêm đợt lúc khác. Nửa giờ sau, nghe ngóng biết là ở ngoài cửa hàng không có khách nào, Khuơng khẽ gọi:

– Nhỏ ơi!

Không thấy thằng nhỏ vào, và biết là nó bận luôn tay, nên Khuơng cứ thỉnh thoảng lại gọi khẽ một tiếng, may ra lọt vào tai nó chẳng. Sau cùng, thấy thằng nhỏ vào, chàng ngập ngừng dặn:

– Em ra xin mợ tiền mua cho cậu bao thuốc lá.

Lúc thằng nhỏ ra ngoài nàng cất tiếng hỏi, chàng đã đoán trước được những lời của vợ chàng:

– Cậu mày hút gì mà hút lăm thế. Cậu mày hút nửa, thì mày cũng hút vào đấy một nửa. Đánh mãi cũng không chùa được thói ăn cắp của chủ.

Theo sau lời nói, một tiếng cốp mạnh lên đầu thằng nhỏ, nhưng Khương chỉ để ý đến tiếng mở trap và tiếng xu, hào chạm nhau. Đưa tiền rồi, vợ chàng còn lăm bằm nói một mình:

– Hút vào chỉ tổ ho, chứ có được tích sự gì đâu.

Thằng nhỏ vào buồng, nửa như đặt, nửa như vút bao thuốc lá trên nắp cái ấm giở, rồi bước vội ra ngay. Khương không nhận thấy cử chỉ khinh thị ấy của đây tớ, chàng chỉ khó chịu về nỗi phải lê mãi mới tới cái giở để lấy bao thuốc. Chàng trân trọng mở bao ra, quần một

điều thật to, rồi nằm ngửa hút luôn mấy hơi dài.

Khói thuốc khi bay ngang qua những tia nắng xiên chéo từ khe cửa sổ xuống đất hiện rõ ra những đám mây, rồi một lúc sau lại biến mất vào trong bóng tối gian phòng. Khương đau đớn nghĩ đến cái thời kỳ cường tráng từ năm hai mươi năm đến năm ba mươi tuổi, cái thời kỳ còn chứa chan hy vọng về cuộc đời, lúc nào cũng hoài bão những công cuộc to lớn, bỗng bột chí khí hùng dũng. Học trường Luật được hai năm, Khương bị đuổi, rồi từ đấy, chàng bắt đầu hành động. Vợ chàng, người đàn bà cần cỗi, chua ngoa, ngồi bán gạo ở cửa hàng hồi đó, còn là cô Liên, một thiếu nữ mảnh dẻ dịu dàng, hai con mắt đẹp lúc nào cũng như đương mơ một giấc mơ xuân. Liên lấy chàng chỉ vì phục chàng là người

có chí rộng. Nhưng nay cái chí khí của chàng, cũng như cái sắc đẹp của Liên không khác gì làn khói thuốc lá đã bay qua tia nắng biến vào bóng tối đen.

Từ khi bị chân tê liệt, tuy vẫn nghĩ đến những việc hoài bão cũ nhưng Khương dần dần thấy không tha thiết nữa, cho những việc ấy là không cần. Chàng thờ ơ với mọi việc, thờ ơ với cả vợ chàng là người chàng tưởng yêu đến khi nhắm mắt. Vợ chàng cũng không yêu chàng nữa, và sau bảy năm vất vả, khổ sở, nàng chỉ coi chồng như một cái bao nặng trên vai, muốn vứt đi nhưng không nỡ.

Khương chỉ mong vợ bỏ hẳn mình, vì có thế, chàng mới có can đảm định liệu lại đời chàng. Còn có người nuôi cơm ăn, thì chàng còn như thế này mãi, vì chàng đã hết cả nghị lực, không thể tự mình vùng dậy được.

Khương quần luôn điều thuốc lá thứ hai hút tiếp; trong phòng khói um như có sương mờ. Chàng thấy rúc đầu và rạo rạo trong người. Tiếng vợ chàng the the mắng đầy tớ ở ngoài nhà khiến chàng bịt tai lại. Tuy vậy, chàng cũng vẫn nghe rõ và lần này khác hẳn mọi lần, chàng lại để ý nghe.

– Vừa mới thấy bóng ở đây đã chạy rúc vào buồng ngủ. Ngủ gì mà ngủ lăm thế. Tao nuôi mày để mày ườn thây ra ngủ và ăn hại tao à?

Vợ chàng hứ lên một tiếng dài rồi tiếp theo:

– Sao mà cái số tôi số khổ sở thế này. Những tội, những nợ nặng chình chịch cả người.

Khương xoay mình úp tai xuống gối nằm yên như người không muốn nghĩ ngợi gì cả. Nhưng trí chàng vẫn cứ quanh quẩn nghĩ về mấy tiếng mắng:

– Mình bịt tai thì mình chỉ không nghe thấy. Nhưng những tiếng ấy vẫn có.

Chàng vùng ngồi dậy, máu rục lên làm chàng nóng bừng mặt.

Chàng cất tiếng gọi:

– Nhỏ!

Liên chạy ngay vào, vì thấy tiếng chồng gọi to khác thường, đoán là có việc gì nguy kịch:

– Gì thế, cậu?

– Mợ ngồi xuống đây, tôi nói câu chuyện.

Liên nhìn quanh quẩn biết là không xảy ra việc gì, liền gất:

- Cậu làm gì mà rối lên thế?
- Mợ ngồi xuống đây đã nào?
- Cậu muốn nói gì thì cứ nói ngay đi. Tôi đương giở bận...

Khương nói như quát:

- Thì tôi bảo mợ ngồi xuống!

Liên cũng quát lại:

- Cậu muốn mắng tôi đấy, có phải không?Ồ lạ chưa?

Khương hạ giọng xuống:

- Tôi tưởng khi mợ mắng đầy tớ, thì mợ cũng nên nghĩ đến tôi mà liệu giữ gìn lời nói. Mợ cũng phải có ý tứ một chút chứ?



– Bây giờ cậu lại cấm đoán không cho tôi mắng đầy tớ nữa sao. Tôi giận thì tôi nói cho sướng mồm, tôi không rồi hơi đâu mà nghĩ đến ai cả... Khổ tôi chưa, muốn yên thân mà người ta không cho tôi yên thân. Thế này thì chết đi cho rảnh.

Khương đợi cho vợ im hẳn rồi cố lấy giọng ôn tồn nói:

– Mợ khổ thì tôi cũng không sung sướng gì. Nhưng mợ nên nghĩ lại ngày trước mà thương tôi. Sao vợ chồng mình...

Khương muốn nhắc lại cái thời kỳ hai người yêu nhau ngày xưa, nhưng nhìn vợ thấy nét mặt lạnh lùng, hai con mắt khô khan, chàng biết rằng không bao giờ, không bao giờ nữa, còn mong

sống lại được những ngày hạnh phúc đã qua.

Liên không hiểu chồng định nói gì, trước khi quay ra, nàng cười gằn, nói:

– Làm người ta mất cả thì giờ! Chả được tích sự gì, chỉ được cái nhắng hão.

Hai tiếng “nhắng hão” khiến Khương uất người lên, vì nhắc Khương nghĩ đến cái tính hăng hái của chàng nay đã nhạt. Chàng muốn ngoài chàng ra không ai được nhận thấy sự trụy lạc của tâm hồn mình. Chàng nghiêng răng, nắm tay giơ lên trước mặt vợ:

– Mợ phải biết, nếu tôi không tàn tật...

Nhưng dáng dấp hùng hổ của Khương chỉ làm cho Liên cười nhạt:

– Cậu không phải dọa. Cậu dọa nhiều lần rồi. Cậu tưởng tôi sợ cậu lắm hay sao...

Nàng đi ra lắm bảm:

– Anh hùng rơm!

Khương nắm cái nắp ấm toan ném theo vợ. Nhưng chàng lại hạ tay xuống. Chàng tự bảo:

– Có hơn được gì đâu. Nó cũng đã khổ chán vì mình. Giờ nó thành ra khốn nạn như vậy, đâu phải lỗi tại nó.

Khương chán nản, nằm vật xuống giường. Chàng cố nhấc hai chân lên, nhưng không thể được.

– Mình cũng như thằng chết rồi!

Mắt chàng bỗng để ý đến con dao díp, lưỡi thuôn thuôn nhọn vì đã bị mài nhiều

lần. Con dao đó chàng mua từ ngày còn khỏe mạnh, và đã nhiều lần dùng để hộ thân, vì độ ấy chàng có bao nhiêu người thù, người sợ chàng! Nhìn cái mũi dao nhọn hoắt, chàng lại nhớ những hôm hội họp với các bạn ở nhà ả đào dùng mũi dao để mở những hộp thuốc phiện mới mua về. Chàng còn như trông thấy rõ trước mắt bàn tay của cô đào yếu điệu tìm chỗ chích, rồi mũi dao cắm xuống, làm phọt lên một ít thuốc phiện đỏ sẫm như máu đào. Khương bất giác với con dao díp, lấy ngón tay trở vờn lưỡi để thử xem sắc, nhụt. Chàng nắm chặt cán dao trong lòng bàn tay, đưa lên gần cổ. Chỉ một cái chích nhẹ vào gáy, một ít máu phọt ra, thế là hết. Văng vẳng bên tai chàng mấy tiếng:

– Anh hùng rơm! Anh hùng rơm!

Chàng sẽ yên lặng không kêu một

tiếng nào để tỏ cho vợ biết rằng mình cũng có can đảm, cái can đảm cuối cùng, biết chết một cách lạng lẽ.

Bỗng chàng sợ hãi, hai con mắt mở to chăm chú nhìn bàn tay nắm con dao. Cánh tay tự nhiên ngả dần dần xuống chiếu và bàn tay mở ra; con dao lăn trên mấy ngón tay rồi rơi khẽ xuống nền đất. Khương lăm bắm bằng tiếng Pháp:

– Không! Ta không thể được.

Cánh cửa sổ hé mở bị một cơn gió đóng sập lại. Trong buồng tối om. Khương thấy lạnh cả người; những câu nhức của vợ, sự nhát gan lúc định quyền sinh đã làm cho chàng trông thấy rõ cái chết của tâm hồn chàng. Chàng cảm thấy cái chết ấy ghê sợ bằng mấy mươi cái chết thật, vì nó bắt chàng phải sống mãi, sống để mà biết.

Khương duỗi hai tay, nhìn lên mái nhà. Một tia nắng lọt qua khe lá làm chàng nghĩ đến cảnh vui sống của cuộc đời bên ngoài. Chàng tưởng tượng các ngọn cây đương phấp phới ánh sáng, ngả nghiêng đùa với gió và những đám mây trắng đương nhẹ nhàng trôi trên trời xanh cao...

Mấy cô con gái vừa đi ngang qua vừa nói chuyện. Khương tưởng tượng họ đẹp lắm, người nào cũng khỏe mạnh, má rúm hồng vì nắng, và mắt trong sáng vì phản chiếu ánh trong trẻo của trời thu.

Một tiếng cười giòn sau một câu nói đùa, Khương nghe như là ở trên cõi sống đùa xuống, mà cái buồn tối này chàng tưởng như là một cái áo quan lớn để chôn sống chàng.







## 4. MÌNH ĐÃ ĐỖ CHƯA?

Thấy vợ ngồi dựa vào tường, mắt có ngấn lệ, Trọng không biết là nàng khóc hay vì tại trong nhà đầy khói. Chàng thở rất khó, ngồi ghé vào đầu phản, hai khuỷu tay chống nặng nề xuống đùi và bàn tay bỏ thông, có vẻ mệt nhọc. Tuy trời nóng như hâm, mồ hôi ra ướt đầm áo trong mà Trọng cũng không buồn cởi áo bành tô xanh đầy vết dầu xe ô-tô.

Nhìn qua cái màn rách sang góc nhà bên kia, Trọng thấy bác Phác, người

đàn bà bán hàng rong ở chung với chàng cũng đương ngồi, hai khuỷu tay chống vào đùi có vẻ ngẫm nghĩ. Trọng thấy buồn cười nên vội vàng ngồi khác kiểu đi: ở trong một cái nhà lúc nhúc hơn mười gia đình, lúc ăn lúc ngủ, ai cũng nhìn thấy ai, nên Trọng luôn luôn khó chịu, cử động không được tự do.

Người đàn bà đột nhiên chửi lên mấy tiếng, rồi tiếp theo một tràng dài:

– Đôi guốc bà vừa để đây, ngoảnh đi một cái, hủ đã mất biến! Vật thứ không là bao, nhưng mà tức chứ! Hủ, ở lẫn với những quân ăn cắp!... Xin đừng ai chạnh lòng. Tôi mất của thì tôi nói, chẳng ông bà nào cấm được tôi.

Trọng biết là người ấy nói đã lâu rồi, mà nói câu ấy có lẽ đã hơn vài chục lượt. Họ vừa ngồi nghỉ cho đỡ mệt, nay

lại bắt đầu. Vì chiều nào, những người ở trong nhà cũng tìm dịp to tiếng với nhau, nên chàng không để ý. Nhưng đến lúc thấy người đó mon men lại gần chiếc màn, cúi nhìn xuống gầm cái giường của chàng, vừa nhìn vừa nói: “Vụt một cái biến mất, nhậy thực!” như có ý đồ cho vợ con chàng lấy đôi guốc, thì chàng không giữ được giận, muốn chạy ra nắm tóc người ấy dúi xuống thêm gạch cho bõ tức. Chàng lăm bắm:

– Hừ, quá lắm. Dám nghi cho mình ăn cắp.

Nhưng chàng vẫn ngồi yên: hai tay nổi gân bám chặt lấy thành giường. Chàng trấn tĩnh lại ngay, tự bảo:

– Mình hãy còn giữ những thói của cuộc đời sang trọng cũ. Nếu cứ tức giận họ thì tức giận cả ngày.

Quay lại, thấy vợ vẫn ngồi yên trong góc giường. Trọng đoán là nàng không biết chuyện. Bảo thấy chồng nhìn mình chăm chú, nên nhếch mép hình như nàng phải cố hết sức, phải khó nhọc lắm mới nhếch nổi một nụ cười đón chồng.

Trọng đau đớn nghĩ đến rằng vợ chàng con một nhà gia thế, lấy chàng không phải vì tình yêu, cũng không phải vì chàng có tài cán, mà chỉ vì cha mẹ nàng ham cái gia tài của chàng. Hơn sáu năm ở với nhau, lúc nào chàng cũng nhận thấy lòng khinh rẻ của vợ đối với mình, mặc dầu lòng khinh rẻ ấy rất kín đáo. Ngờ đâu nay nàng ngồi kia, mình mặc chiếc áo cánh vá vai, chiếc quần lĩnh bạc màu, gày gò, ốm yếu, ở lẫn với những người nghèo cùng mạt trong xã hội, mà lại còn nghèo hơn họ.

Xảy ra như vậy chỉ vì mấy cái tai nạn dồn dập đến một cách bất ngờ. Chàng không biết lo xa, quá tin ở của cải mình. Sau khi gia tài khánh kiệt, chàng sống vất vơ vất vưởng, ngửa tay xin anh em quen thuộc mỗi người một ít để nuôi vợ, nuôi hai đứa con đẻ và hai đứa cháu bồ cô cha mẹ mà chàng đã nhận làm con nuôi. Như thế được mấy tháng, sau không ai giúp nữa, chàng đưa vợ đến đây, thuê một cái giường nằm hào một tháng và đã kiếm được việc làm ở một nhà chữa ô-tô.

Một người gánh nước đi ngang qua, nước bắn vào bàn chân làm chàng giật mình. Chàng nhìn cái nền gạch long lở ướt sũng nước, nhìn những làn khói tỏa ở các bếp hỏa lò ra, lẩm bẩm:

– Ở thế này chỉ vài tháng là ho lao.

Trước kia, khi còn có nhà cho thuê, chàng chỉ cốt thu về nhiều tiền, không bao giờ cho thế là vô nhân đạo. Nay chàng mới nhận thấy một cách rõ rệt, tuy rằng cách cho thuê ấy đã giúp chàng có nơi trú ngụ bằng một giá rất rẻ. Chàng cần đến, nhưng chính vì sự cần ấy mà việc cho thuê như vậy là độc ác. Chàng ngẫm nghĩ:

– Nếu phen này ta có nhà cho thuê thì ta nhất định bỏ.

Chàng mỉm cười nói:

– Phen này!

Tự nhiên chàng thấy vui vẻ và nghĩ thầm:

– Bây giờ mình đâm ra có lòng tốt, lạ chưa.

Chàng nhận thấy chàng trước kia tàn ác, mà tàn ác chỉ vì vô tâm và ích kỷ. Bây giờ chàng mới biết không ai muốn giúp mình lúc nghèo, chỉ vì lúc giàu mình không nghĩ đến ai. Chàng sung sướng, mà cái sung sướng ấy mới lạ lắm, chàng thấy vụt có cái quan niệm cao quý về nhân phẩm của mình. Trọng ngừng lên nhìn vợ, mà lần đầu chàng nhìn vợ không có ý thẹn lại có vẻ hơi kiêu.

Mấy đứa con chàng ở ngoài chạy vào, cười nói, đứa nào cũng thở hồng hộc. Trọng âu yếm hỏi:

- Các con đi chơi đâu về?
- Chúng con đá bóng ở bờ sông vui quá.

Trọng nhìn những gò má hồng hào, lấp lánh:

– Chỉ ít lâu nữa là hết cả hồng.

Thấy một đứa kêu đói, chàng mới sực nhớ đến giờ nấu cơm. Chàng cho tay vào túi áo, vôn vê ba đồng hào một cách âu yếm, vì ba hào chỉ ấy là tiền của chàng kiếm ra lần đầu tiên. Nó lại quý nữa là vì không có nó tất chàng và vợ con phải nhịn đói.

Tuy trước kia giàu có hàng nghìn, hàng vạn, mà bây giờ chàng mới thấy mình “có tiền”. Chàng kêu mấy hào chỉ ở đáy túi vào lòng bàn tay và nắm lấy thật chặt.

Trọng thấy tiếng guốc của mình nện trên gạch hè đường kêu to một cách khó chịu vì chàng đi guốc chưa quen. Chàng tưởng như tiếng guốc xui bảo mọi người để ý đến mình. Trước khi rẽ vào một cái



hàng cơm, chàng tự nhiên quay đầu nhìn lại phía nhà ở, có vẻ một người vụng trộm. Chàng rẽ vào đấy ăn quà sáng để lấy sức làm việc, trong khi vợ con chàng phải nhịn. Chàng không muốn ăn ở nhà một mình trước mặt vợ con.

Vào hàng, Trọng mua một xu xôi đậu đen, vì chàng đoán thứ quà đó no lâu. Chàng lấy đũa xắn từng miếng chấm muối vừng rồi nhai thông thả, vừa nhai vừa ngẫm nghĩ, nghe ngóng. Chàng gật gù lẩm bẩm:

– Càng nhai lâu càng thấy bùi miệng.

Bà hàng tưởng chàng khen xôi của mình thối khéo, liền mời:

– Bác ăn xu nữa!

Trọng không ngờ xôi đậu đen lại ngon đến thế; chàng đặt đĩa xoa hai tay với nhau, có vẻ khoan khoái, bảo bà hàng:

– Bà cho tôi thêm một xu. Bà lấy ở đây rá cho nóng.

Trọng lấy làm tiếc rằng một thức ngon thế này mà ăn vụng trộm, vợ con không được hưởng. Chàng cảm động nghĩ đến những cái vụng trộm khác, trốn vợ đi hát mở từng chai sâm banh, và lấy làm lạ rằng những lúc đó sao không áy náy bằng khi ăn có hai xu đậu đen chấm muối vùng rang mặn.

Công việc của chàng cả ngày hôm ấy là nằm dưới gập ô-tô thay “láp” xe. Trên má chàng, những giọt mồ hôi hòa với dầu máy từ từ chạy xuống tai, xuống cổ. Mới đầu, chàng tưởng không sao chịu

nổi, nhưng sau chàng nghiệm ra rằng sự nóng bức càng tăng lên, sự khó chịu càng bớt dần. Nếu chàng là một người giàu có đứng ở ngoài, tưởng tượng phải làm việc như vậy, tất ghê sợ lắm, cho cuộc đời là khốn nạn, không đáng sống, không có nghĩa lý gì.

Trước kia, chàng cũng tưởng thế, vì chính chàng giàu có; trước kia không thiếu thứ gì, không bao giờ phải mệt nhọc đến thân mà không lúc nào chàng được yên tĩnh, luôn luôn tự hỏi sống để làm gì, và cố tìm một cái nghĩa cho sự sống của mình, của mọi người mà không tìm ra.

Bây giờ cái bản khoản ấy đã mất hẳn. Chàng thấy công việc chàng có nghĩa lắm, vì nhờ nó mà chàng và vợ con chàng được no bụng. Cái nghĩa ấy không cao thượng gì cho lắm, nhưng nó có. Còn

hơn là trước kia chàng không biết làm gì để sống, tuy bụng lúc nào cũng no. Bây giờ chàng mới hiểu rằng xã hội khốn nạn không phải là xã hội những người làm việc, tuy làm việc một cách khốn khổ.

Đương khi những ý nghĩ ấy lộn xộn trong óc, Trọng vẫn không quên căn răng lấy hết sức xoay «bù loong». Mồ hôi chảy ròng ròng trên cánh tay chàng. Mồ hôi chảy cả vào mắt làm chàng hoa mắt nhìn không rõ. Chàng thấy hiện ra một cốc nước chanh với một miếng nước đá trong veo, chàng đã uống bên bờ biển Đồ Sơn một buổi chiều mùa hạ năm nào...

Trọng chúi đầu vào một góc màn nằm duỗi thẳng chân tay, thiu thiu ngủ.

Hé mắt nhìn qua vải màn, chàng thấy lấm tấm ở các góc nhà tối om những ngọn lửa đèn Hoa Kỳ xanh lè nhỏ bằng

hạt thóc. Một vài tiếng ho, tiếng khạc nhỏ, rồi lại đến những tiếng ngáy đều đều, tiếng vo ve của những con muỗi chui qua lỗ màn rách bay vào. Hơi nóng làm mờ những ngôi sao ló trong khung cửa sổ. Không có một làn gió nhẹ; vải màn rủ nặng nề xuống chiếu. Trọng tưởng như nằm trong một cái địa ngục tối, và tưởng thấy thấm vào người hơi nóng của một cái vạc dầu để gần đó. Chàng gục đầu vào cánh tay, nhắm chặt mắt lại và muốn đắm mình trong giấc ngủ như một người đắm mình trong cỏi chết.

Nửa đêm Bảo thức giấc ngồi dậy. Nàng vừa phe phẩy quạt, vừa đưa mắt nhìn chống, rồi chép miệng nói:

– Ngủ gì mà quên cả thay quần áo.

Trọng nằm ngủ cứ để nguyên cả quần áo làm việc: một cái quần tây nát

nhầu và một cái áo “sơ mi” rách vá vai, dầu dây be bét.

Bảo dịu dàng ngắm nghĩa chồng nằm ngủ mê mệt; thấy đứa con cựa quậy, nàng chỉ lo sợ chồng tỉnh giấc, mất một giấc ngủ rất cần để lấy lại sức mai làm việc.

Nàng ngồi lại gần chồng, gượng nhẹ nhắc đầu chồng, đặt lên đùi mình. Lần đầu nàng thấy yêu người chồng đã vì nàng làm lụng vất vả suốt ngày, không có một lời than vãn.

Nàng giơ tay phải quạt rất nhẹ, còn tay trái âu yếm vuốt ve những làn tóc ướt đầm mồ hôi của chồng. Nàng thấy thốn thức trong dạ, rồi tự nhiên nước mắt ứa ra chảy ướt đầm hai bên má. Nàng không giữ được nữa, cúi xuống hôn một cái lên trán chồng, và như người mê man,

nàng ôm lấy chồng, gục đầu vào vai, không nghĩ gì đến mồ hôi và mùi dầu máy khét ở quần áo chồng xông ra nồng nặc. Trọng thức dậy hơi lấy làm lạ về cử chỉ khác mọi ngày của vợ; chàng hiểu và sung sướng ngẫm nghĩ:

– Có lẽ lần đầu tiên mình và vợ mình biết thế nào là tình yêu.

Tuy hiểu vậy nhưng chàng không nói ra, chỉ hỏi:

– Hôm nay em làm sao thế, em Bảo?





